

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày 21 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Chuân;

2. Ông Đàm Sông Hương;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1, Họ và tên: **Sùng Thị M**, sinh ngày 01/01/1989 tại huyện V, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: H' Mông; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 5/12; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Con ông Sùng A N, sinh năm 1971, con bà Vàng Thị D, sinh năm 1972; Bị cáo có chồng là Giàng A S, sinh năm 1993 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Hiện đều trú tại xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/12/2023 đến ngày 23/12/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai đến ngày 23/3/2024. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Giàng Thị B**, sinh ngày 01/01/1992, tại huyện V, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: H' Mông; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Con ông Giàng A C, sinh năm 1958, con bà Hạng Thị S, sinh năm 1961; Bị cáo có chồng là Hầu A C, sinh năm 1983 và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Hiện đều trú tại xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 15 tháng 12 năm 2023 đến ngày 24 tháng 12 năm 2023; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” từ ngày 24 tháng 12 năm 2023 đến ngày 13/3/2024, tại nhà Tạm giữ Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Sùng Thị M:** Bà Liệu Thị T – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị B:** Bà Lương Thị C – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người chứng kiến:** Bà Sùng Thị M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 19 giờ 20 phút ngày 14/12/2023, tại nơi ở của Sùng Thị M thuộc thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai, tổ công tác Đội điều tra tổng hợp Công an huyện V phối hợp với Công an xã N tiến hành kiểm tra, bắt quả tang Sùng Thị M đang đeo ở ngang hông 01 túi vải màu đen bên trong có 29 gói ni lon màu trắng chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen, M khai là nhựa thuốc phiện tàng trữ để bán kiếm lời. Tổ công tác đã mời người chứng kiến, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Sùng Thị M nhưng không phát hiện, thu giữ gì. Về nguồn gốc ma túy, M khai mua của Giàng Thị B nhà ở thôn K, xã N, huyện V vào khoảng 14 giờ ngày 10/12/2023 với giá 600.000 đồng. Sau khi mua được thuốc phiện về, M chia tách từ 01 gói thành 29 gói nhỏ bọc bằng ni lon màu trắng với ý định bán với giá 40.000đồng/01 gói để kiếm lời nhưng chưa kịp bán cho ai thì bị bắt quả tang.

Đến ngày 15/12/2023, Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở của Giàng Thị B tại thôn K, xã N, huyện V nhưng không phát hiện thu giữ gì. Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, B khai nhận: Ngày 08/12/2023, Sùng Thị M đến nhà gặp hỏi B có thuốc phiện bán không, bán cho M một ít (*M không nói mua thuốc phiện để làm gì, mua với khối lượng bao nhiêu, bao nhiêu tiền*) và B trả lời không có. Khoảng 10 giờ ngày hôm sau, khi B đang đi lấy củi tại khu vực thôn N, xã D, huyện V thì gặp một người đàn ông dân tộc H Mông không quen biết, sau khi được người này hỏi có mua thuốc phiện không thì B đã mua của người này 01 gói thuốc phiện bọc bên ngoài bằng túi nilon màu đen với giá 500.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ ngày 10/12/2023, M lại đến hỏi có thuốc phiện bán không, nên B đã bán cho M gói thuốc phiện đã mua hôm trước với giá 600.000 đồng, thu lãi chênh lệch 100.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra, B đã tự nguyện

giao nộp 600.000 đồng do phạm tội mà có, gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. Ngày 15/12/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Giàng Thị B.

Tại bản Kết luận giám định số 09/KL-GĐMT ngày 23/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, kết luận: 8,79 gam chất nhựa dẻo, màu nâu đen gửi giám định đều là nhựa thuốc phiện.

Bản cáo trạng số: 04/CT-VKS - VB ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, truy tố các bị cáo Sùng Thị M và Giàng Thị B về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Sùng Thị M và Giàng Thị B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án tóm tắt nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Sùng Thị M; Giàng Thị B phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng Thị M và Giàng Thị B từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Xử lý vật chứng và tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng Thị M đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng Thị M 02 (Hai) năm 01 (Một) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị B đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng Thị B 02 (Hai) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát và lời bào chữa của người bào chữa cho mình, không có ý kiến bổ xung gì. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo Sùng Thị M và Giàng Thị B tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của các bị cáo, người làm chứng, người chứng kiến trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Sùng Thị M và Giàng Thị B đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều biết Nhà nước cấm tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy nhưng do thiếu ý thức chấp hành pháp luật và muốn kiếm lời bất chính nên ngày 10/12/2023 bị cáo Sùng Thị M đã mua của Giàng Thị B 8,79 gam nhựa thuốc phiện với giá 600.000 đồng, chia tách thành 29 gói nhỏ nhằm mục đích bán kiếm lời nhưng chưa kịp bán cho ai, đến ngày 14/12/2023 đã bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang. Đối với Giàng Thị B đã dùng 500.000 đồng mua 8,79 gam nhựa thuốc phiện của một người đàn ông không quen biết vào ngày 09/12/2023 và bán lại cho Sùng Thị M với giá 600.000 đồng, thu lãi chênh lệch 100.000 đồng.

Vì vậy, Bản cáo trạng số 04/CT-VKS -VB ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã truy tố các bị cáo Sùng Thị M và Giàng Thị B về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo Sùng Thị M và Giàng Thị B thuộc trường hợp nghiêm trọng. đã xâm phạm vào chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, giữa Sùng Thị M và Giàng Thị B không có sự bàn bạc thống nhất từ trước, nên hành vi phạm tội của các bị cáo là độc lập với nhau, nên không cùng đồng phạm. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm riêng về hành vi phạm tội của mình.

Về nhân thân: Các bị cáo Sùng Thị M và Giàng Thị B đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm

nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Sùng Thị M sau khi phạm tội và trong quá trình giải quyết vụ án đã tích cực hợp tác với cơ quan, có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm là hành vi phạm tội của Giàng Thị B, nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc các căn cứ quyết định hình phạt đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm minh trước pháp luật, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Việc Viện kiểm sát đề nghị mức xử phạt tù đối với các bị cáo là phù hợp, nên được chấp nhận. Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Sùng Thị M là phù hợp, nên được chấp nhận. Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị B đề nghị mức xử phạt là nhẹ, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên không được chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Sùng Thị M và Giàng Thị B đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, lại đang nuôi nhiều con nhỏ, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: gồm: 8,79 gam nhựa thuốc phiện thu giữ của Sùng Thị M, Cơ quan giám định đã trích mẫu giám định 4,54 gam, còn lại 4,25 gam nhựa thuốc phiện; 29 mảnh ni lon màu trắng ; 01 túi vải màu đen và bì niêm phong ban đầu đã tái niêm phong cũ đã tái niêm phong. Đây là vật Nhà nước cấm lưu hành và vật không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu để tiêu hủy là đúng pháp luật.

Đối với số tiền 600.000 đồng thu giữ của Giàng Thị B do phạm tội mà có, cần tịch thu để nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về tình tiết khác: Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Giàng Thị B, quá trình điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí: Các bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí hình sự, nên cần miễn án phí hình sự cho các bị cáo là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Sùng Thị M; Giàng Thị B phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ

luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng Thị M 02 (Hai) năm 01 (Một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, khi chấp hành án bị cáo được khấu trừ 09 ngày tạm giữ trước đó, (từ ngày 14/12/2023 đến ngày 23/12/2023).

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng Thị B 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 15/12/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu: 4,25 gam nhựa thuốc phiện còn lại sau trích mẫu giám định; 29 mảnh ni lon màu trắng ; 01 túi vải màu đen cùng toàn bộ niêm phong ban đầu đựng trong 01 (Một) bì niêm phong còn nguyên vẹn. Trên một mặt của bì có ghi: “*Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi bắt quả tang Sùng Thị M ngày 14/12/2023 tại thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai* “. Mặt còn lại của bì có các chữ kí và dấu tròn đỏ của phòng kĩ thuật hình sự công an tỉnh Lào Cai. Đề tiêu hủy.

- Tịch thu: số tiền 600.000 đ (Sáu trăm nghìn đồng) thu giữ của Giàng Thị B để nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/02/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Bàn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn).

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Sùng Thị M; Giàng Thị B được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo Sùng Thị M; Giàng Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (01);
- VKSND tỉnh LC (01);
- VKSND huyện VB (01);
- CQCSĐT Công an huyện VB(01);
- CQTHAHS Công an huyện VB(01);
- Sở tư pháp tỉnh LC(01);
- CC THA DS (01);
- Các bị cáo; NBC(04);
- THAHS Tòa án (04);
- Lưu Tòa án (05).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa